

Bản án số: 88/2023/HC-PT

Ngày 21-3-2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: ông **Lê Tụ**

 ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Bùi Ngô Ý Nhi**, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 360/2022/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HCST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 856/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hương Q, Luật sư Công ty Luật TNHH MTV P; Địa chỉ: 03 đường M, Phường Y, thành phố T2, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1 Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

2.2 Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T: Ông Nguyễn Thanh P1, chức vụ Phó chủ tịch UBND huyện T. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện T. Có mặt.

2.3 Chủ tịch UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã A: Ông Huỳnh Hữu M, chức vụ Phó chủ tịch UBND xã A. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã A: Ông Huỳnh Hữu M, chức vụ Phó chủ tịch UBND xã A. Có mặt.

3.2 Phòng tài nguyên và môi trường huyện T, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn D, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện T. Có mặt.

3.3 Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1, chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4 Bà Trần Thị R, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.5 Ông Đặng Văn T2, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3.6 Bà Lê Thị Mỹ Nh, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/5/2021, người khởi kiện ông Nguyễn Văn L, người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện ông Nguyễn Hương Q thống nhất trình bày:

Năm 1992, ông Nguyễn Văn L có khai hoang một thửa đất khoảng 2.000m² tại thôn X, xã A1, huyện T (thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08) có tứ cận như sau: phía bắc giáp đường bê tông và đường sắt; phía nam giáp đất ông Đặng Hữu Quốc; phía tây đất nhà ông Nguyễn Văn L; phía đông giáp đất ông Đặng Hữu Quốc. Trong quá trình sinh sống, gia đình ông L khai hoang đất này để trồng trọt, chăn nuôi và có rào dậu cụ thể. Khoảng năm 2000, ông L có kê khai phần diện tích đất

này, được nhà nước xác nhận tại sổ mục kê năm 2007 và hàng năm có đóng thuế cho nhà nước.

Đầu năm 2018, UBND xã A1 vận động ông L và một số hộ dân hiến đất làm đường bê tông nên ông L đã hiến khoảng 325m². Cuối năm 2018, sau khi hiến đất để làm đường thì diện tích còn lại ông L làm thủ tục đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND xã A1 từ chối, ngày 19/3/2019 ông L có làm đơn khiếu nại và được chủ tịch UBND xã A1 giải quyết bằng Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L. Sau đó, ông L tiếp tục khiếu nại đến UBND huyện T và được UBND huyện T giải quyết bằng Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 với nội dung công nhận trường hợp của ông L đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 11/2019, ông L làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nộp tại UBND xã A1 nhưng chưa được giải quyết, đến ngày 20/3/2020 ông L có làm đơn kiến nghị gửi đến các cơ quan có thẩm quyền xem xét. Ngày 01/4/2019, ông L nhận được Công văn số 1628/UBND-NC của UBND tỉnh Phú Yên yêu cầu Chủ tịch UBND huyện T thực hiện nghiêm Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 và báo lại kết quả trong tháng 4/2020. Đến 27/11/2020, UBND huyện T đã ra Quyết định số 5781/QĐ-CT về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T với lý do thu hồi là thực hiện Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T.

Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T đang trong quá trình thực hiện nhưng UBND huyện T lại ra Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T là không hợp lý, không có căn cứ pháp lý và gây thiệt hại đến quyền lợi của gia đình ông L. **Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:**

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND xã A1 (nay là xã A), huyện T về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn L (lần đầu).

- Hủy Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên;

- Hủy Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Buộc UBND xã A và UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L đối với diện tích 1.702m²

(hiện nay đo vẽ là diện tích $2.348,7m^2$) tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính năm 2007 tại Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

1. Người bị kiện UBND huyện T trình bày (Văn bản số 2083/UBND ngày 14/9/2022 của UBND huyện T).

Theo đại diện nhân dân thôn X, xã A1 phản ánh thì từ năm 1991, gia đình ông Nguyễn Văn L chuyển chỗ ở từ thôn Đồng Nổ về thôn X, xã A1 để làm ăn sinh sống, lúc này gia đình ông L ở tạm nhà ông Ba Bê. Tháng 6/1992, ông L được ông Lê Có cho một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở. Phía trước mặt nhà ông L có một vùng đất trũng thấp, ứ đọng nước vào mùa mưa, cũng vào thời điểm này (1992) ông L đã thuê mướn cộ bò chở cát để san lấp đất này để trồng cây dương.

Tháng 4/2018, UBND xã A1 san ủi mở đường bê tông qua mảnh đất này. Trong quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L, UBND xã A1 chưa lần nào lập biên bản xử lý vi phạm hành chính đối với ông L và ông L đã sử dụng ổn định từ năm 1992 đến nay không ai tranh chấp. Vào thời điểm đo đạc lập bản đồ địa chính xã A1 năm 2007, ông L đã kê khai đăng ký và đã lập hồ sơ địa chính tên chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn L đối với thửa đất đang khiếu nại.

Ngày 30/3/2020, Tổ kiểm tra huyện làm việc với UBND xã A về việc liên quan nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L thì thấy bản đồ đo đạc ảnh hàng không năm 2010 thửa đất của ông L được đo bao nằm trong 02 thửa đất; thửa đất số 11, tờ bản đồ số 01, diện tích $49.834m^2$, loại đất rừng phòng hộ (RPT) và thửa đất số 16, diện tích $30.181m^2$, loại đất ở nông thôn (ONT); UBND xã A xin nhận thiếu sót về việc quản lý không chặt chẽ đối với phần diện tích đất nói trên, đồng thời UBND xã A chưa công nhận và giao đất cho ông L; thửa đất này thuộc trường hợp phải lấy ý kiến khu dân cư.

Ngày 24/5/2019, Chủ tịch UBND xã A1 ban hành Quyết định số 124/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn L (lần đầu), theo đó: *không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng vì không phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai; giao công chức Địa chính - Xây dựng xã tổ chức quản lý đất công của xã đúng theo quy định pháp luật về đất đai.* Ngày 20/4/2020, Tổ kiểm tra làm việc đại diện các hộ dân thì các hộ dân không thống nhất nguồn gốc đất này là của ông L vì tại thửa đất này nguồn gốc từ trước đến nay là đất công cộng của UBND xã quản lý; đề nghị tổ chức đối thoại nhân dân tại thôn X với hộ ông Nguyễn Văn L.

Ngày 23/4/2020, Tổ kiểm tra làm việc với ông Nguyễn Văn L là người bị phản ánh, ông Nguyễn Văn L trình bày nguyện vọng của ông L là được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông trên thửa đất 87, diện tích $1.702m^2$.

Qua kiểm tra điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không chỉ căn cứ vào hồ sơ địa chính năm 2017, đất được quy hoạch, trong lúc ông Nguyễn Văn L không có giấy tờ gì về quyền sử dụng đất. Mặt khác, một số đại diện nhân dân tại khu dân cư cho rằng ông Nguyễn Văn L lấn chiếm đất; UBND xã A cũng đồng tình về ý kiến người dân ở khu dân cư này và đề nghị UBND huyện xem xét lại nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông Nguyễn Văn L nên UBND huyện T nhận thấy trong việc giải quyết khiếu nại lần hai của UBND huyện T cần phải xem xét lại.

Theo Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T thì ban hành Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần hai cho ông Nguyễn Văn L, thường trú thôn X, xã A1, huyện T, tỉnh Phú Yên đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa phù hợp và chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Ngày 27/11/2020, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 5781/QĐ-CT về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

2. Người bị kiện: UBND xã A trình bày:

Đối chiếu vị trí hiện trạng diện tích 2.348,7m² ông Nguyễn Văn L đang khiếu kiện (*Theo Bản trích đo hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Tư Thiện lập ngày 02/3/2021*) trên bản đồ đo đạc năm 2007 (được cấp có thẩm quyền phê duyệt ngày 15/01/2009) thì thuộc một phần thửa đất số 87 (diện tích thửa đất số 87 là 1.702m²), tờ bản đồ số 08 và một phần đất trống không thể hiện thửa đất do đất này thuộc đất rừng.

Đối chiếu Sổ mục kê đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2009: Tại trang số 8, quyền số 1 thể hiện thửa đất số 87 diện tích 1.702m² tại mục “*Tên người sử dụng, quản lý*” thể hiện “*Nguyễn Văn L*”.

Đối chiếu vị trí hiện trạng diện tích 2.348,7m² ông Nguyễn Văn L đang khiếu kiện (*Theo Bản trích đo hiện trạng thửa đất do Công ty TNHH Tư Thiện lập ngày 02/3/2021*) trên bản đồ đo đạc năm 2010 (bản đồ đo đạc ảnh hàng không đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thì thuộc một phần thửa đất số 16 (thửa đất số 16 có tổng diện tích là 30.181m²), tờ bản đồ số 01 và một phần thửa đất số 11 (thửa 11 có tổng diện tích 49.834m²), tờ bản đồ số 01.

Đối chiếu Sổ mục kê đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2013: Tại trang số 5, quyền số 001 thể hiện thửa đất số 16 diện tích 30.181m² tại mục “*Tên người sử dụng, quản lý*” để trống không thể hiện tên người sử dụng đất; Tại trang số 5, quyền số 001 thể hiện thửa đất số 11 diện tích 49.834m² tại mục “*Tên người sử dụng, quản lý*” thể hiện “*Hộ gia đình*”.

Trong quá trình sử dụng đất nêu trên thì ông Nguyễn Văn L nhiều lần có hành vi thuê người san ủi đất thì chính quyền cùng bà con nhân dân thôn X có đến ngăn cản và UBND xã có lập biên bản vì đây là đất công cộng do nhà nước quản lý. Tuy nhiên hiện nay tại trụ sở UBND xã A không còn lưu trữ hồ sơ xử lý này.

Tại biên bản cuộc họp ngày 10/01/2019 về việc họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc, thời điểm, quá trình sử dụng đất tại thửa đất ông L đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tất cả các ý kiến của nhân dân đều thống nhất cho rằng: nguồn gốc đất này là đất công cộng do UBND xã A1 quản lý chứ không phải diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân nào. Khoảng đất này là một bầu nước đọng, trên đất là bãi cát trắng không có cây cối gì và ông Nguyễn Văn L cũng không có trồng cây gì trên đất.

Hộ ông Nguyễn Văn L đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 779m² tại thửa 86, tờ bản đồ 08, đo đạc năm 2007 (đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt năm 2009). Đối chiếu Sổ mục kê đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt năm 2009: Tại trang số 8, quyển số 1 thể hiện thửa đất số 86, diện tích 779m² tại mục “*Tên người sử dụng, quản lý*” thể hiện “*Nguyễn Văn L*”. Từ trước đến nay hộ ông Nguyễn Văn L không phải là hộ nông nghiệp và không trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Kể từ khi ông Nguyễn Văn L làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.702m² tại thửa đất số 87, tờ bản đồ 02 (*hiện nay đo đạc thực tế là diện tích 2.348,7m²*) đến nay các hộ dân xung quanh đều ngăn cản, tranh chấp. Ngoài các bản đồ đo đạc, sổ mục kê nêu trên thì UBND xã A không còn lưu trữ bản đồ hay sổ nào khác thể hiện thửa đất nêu trên. Đối với hồ sơ thực hiện công trình đường bê tông đi ngang qua diện tích đất ông Nguyễn Văn L được thực hiện tháng 4 năm 2018, hiện nay tại trụ sở UBND xã A không còn lưu giữ hồ sơ này.

Từ những phân tích trên, Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND xã A1 là có cơ sở. Vì vậy UBND xã A đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T:** thống nhất ý kiến của UBND huyện T và UBND xã A: đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L;

- **Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên** trình bày (*Văn bản số 1309/CCKL-QHR ngày 17/11/2021 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên*):

Qua kiểm tra, đối chiếu các điểm tọa độ thửa đất của ông Nguyễn Văn L đang khởi kiện đối với bản đồ quy hoạch 3 loại rừng các thời kỳ xác định:

- Trước năm 2007: Căn cứ bản đồ kết quả Kiểm kê rừng theo Chỉ thị 286/CT-TTg được phê duyệt tại Quyết định số 289/QĐ-BNN-TCKT ngày 25/01/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Phú Yên; Quyết định 047/QĐ-UB ngày 07/01/1998 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt Quy hoạch phân chia 3 loại rừng tỉnh Phú Yên vị trí thửa đất trên là *quy hoạch rừng phòng hộ*.

- Từ năm 2007 đến 2017: Theo Quyết định 2358/QĐ-UBND, ngày 12/12/2007 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Phú Yên vị trí thửa đất trên là *quy hoạch rừng phòng hộ*.

- Từ năm 2017 đến nay: Theo Quyết định 2570/QĐ-UBND, ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 03 loại rừng tỉnh Phú Yên vị trí thửa đất trên *không thuộc quy hoạch 3 loại rừng* (không thuộc quy hoạch rừng phòng hộ).

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L, Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- bà Lê Thị Mỹ Nh và ông Đặng Văn T2 thống nhất trình bày:

Diện tích đất 1.702m² ông L đang khiếu kiện tọa lạc tại thôn 2 (thôn X) có nguồn gốc do Nhà nước quản lý nên không có người dân nào ở thôn X đến ở và sử dụng. Ông L là người từ Thôn 3 (thôn Đồng Nổ) đến Thôn 2 (thôn X) xin ông Lê Có ở thôn X 01 lô đất để ở vào năm 1992 và sau đó thì ông L dần dần lấn chiếm diện tích đất nêu trên. Mỗi lần lấn chiếm thì cán bộ xã A1 có đến ngăn cản. Hiện nay diện tích đất này có 01 con đường bê tông liên thôn do Nhà nước xây dựng năm 2018 và 03 bụi dương nằm gần nhau (diện tích khoảng 50m²), còn lại là đất trống.

Diện tích đất này trước đây là một bãi cát trắng, có trũng ở giữa nên mùa mưa nước đọng bên trong bà con thường dùng giặt giũ, mùa nắng là bãi cát dài, bà con xung quanh làm nơi sinh hoạt chung, nên dân thôn X đều cho rằng đây là đất công cộng do địa phương quản lý nên không ai có hành vi lấn chiếm hoặc đem dương vào trồng trên đất.

Trong các cuộc họp tiếp xúc cử tri, bà con X đã phản ánh việc lấn đất của ông L, có ông Bùi Sinh Nh – Phó chủ tịch HĐND xã, có cán bộ địa chính xã cùng nghe ý kiến của cử tri và có lấy ý kiến biểu quyết cùng chữ ký của bà con trong các cuộc họp từ năm 2018 đến nay khi ông L công khai thể hiện việc chiếm đất.

Ông T2, bà Nh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L. Ông T2, bà Nh không có yêu cầu độc lập. Thống nhất hướng giải quyết của UBND xã X Hải; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- **Bà Trần Thị R (vợ ông L) trình bày:** thống nhất như ý kiến của ông Nguyễn Văn L. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 116, 157, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348, 358 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 50, 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 18, Khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND xã A1 (nay là xã A) về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn L (lần đầu).

- Hủy Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên;

- Hủy Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Buộc UBND xã A và UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L đối với diện tích $1.702m^2$ (hiện nay đo vẽ là diện tích $2.348,7m^2$) tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính năm 2007 tại Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 19/9/2022, người khởi kiện – ông Nguyễn Văn L (sau đây gọi là Người khởi kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện: Hủy Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND xã A1 (nay là xã A) về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn L (lần đầu); Hủy Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên; Hủy Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Buộc UBND xã A và UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L đối với diện tích

1.702m² (*diện tích đo thực tế là 2.348,7m²*) tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính năm 2007 tại Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Người khởi kiện. Các bên không đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị: Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định về các nội dung kháng cáo như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T; Ủy ban nhân dân huyện T đều có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện – ông Nguyễn Văn L đề nghị:

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND xã A1 (nay là xã A) về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn L (lần đầu).

- Hủy Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên;

- Hủy Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Buộc UBND xã A và UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L đối với diện tích 1.702m² (*hiện nay đo vẽ là diện tích 2.348,7m²*) tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính năm 2007 tại Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên thì thấy:

[2.1]. Diện tích đất 1.702m² (*diện tích thực tế đo vẽ là 2.348,7m²*) tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính năm 2007 tại Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên mà ông Nguyễn Văn L đang khiếu kiện yêu cầu được cấp Giấy CNQSD đất thuộc một phần thửa đất số 16 tờ bản đồ số 01 (*thửa đất số 16 có tổng*

diện tích là $30.181m^2$) và một phần thửa đất số 11 tờ bản đồ số 01 (thửa 11 có tổng diện tích $49.834m^2$).

Theo Sổ mục kê đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt năm 2013: Tại trang số 5, quyền số 001 thể hiện thửa đất số 16 diện tích $30.181m^2$ tại mục “*Tên người sử dụng, quản lý*” để trống không thể hiện tên người sử dụng đất; Tại trang số 5, quyền số 001 thể hiện thửa đất số 11 diện tích $49.834m^2$ tại mục “*Tên người sử dụng, quản lý*” thể hiện “*Hộ gia đình*”.

Theo xác nhận của Chi cục kiểm lâm Phú Yên thì từ năm 2017 trở về trước diện tích đất ông Nguyễn Văn L yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quy hoạch rừng phòng hộ; sau năm 2017 không còn quy hoạch 03 loại rừng (*không còn quy hoạch rừng phòng hộ*).

Như vậy, diện tích đất ông Nguyễn Văn L yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được lập hồ sơ địa chính năm 2007 là nằm trong diện tích tổng thể của 02 diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ, là đất thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

[2.2]. Trong quá trình sử dụng đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Nguyễn Văn L bị người dân thôn X khiếu nại là đất công cộng do nhà nước quản lý và nhiều lần có đơn khiếu nại gửi các cơ quan thẩm quyền xem xét; tại Biên bản cuộc họp ngày 10/01/2019 về việc họp lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất tại thửa đất của ông L đề nghị cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: *Tất cả các ý kiến nhân dân đều thống nhất diện tích đất này là đất công cộng do UBND xã quản lý, không phải diện tích đất của hộ gia đình, cá nhân nào.*

Căn cứ quy định tại Điều 20 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường; Công văn 1568/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Khoản 1 điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, việc ông Nguyễn Văn L có tên trong Sổ mục kê năm 2007, không phải là căn xác định có quyền sử dụng đất hợp pháp vì: *Công văn 1568/BTNMT-ĐKTKĐĐ ngày 25/4/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nêu: “Sổ mục kê đất cũng không được coi là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật đất đai.”. Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013, Khoản 1 điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nêu các loại giấy tờ làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có Sổ mục kê đất, sổ kiến điền lập trước ngày 18 tháng 12 năm 1980.*

Theo Khoản 4, Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *“Trường hợp không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc trên giấy tờ đó không ghi rõ thời điểm xác lập giấy tờ*

và mục đích sử dụng đất thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về thời điểm bắt đầu sử dụng đất và mục đích sử dụng đất trên cơ sở thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất”. Như vậy, diện tích đất ông L xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có giấy tờ quy định tại Điều 100, Điều 101 Luật đất đai năm 2013, đất đang có khiếu nại, nguồn gốc đất chưa được giải quyết rõ ràng, minh bạch; nên chưa đủ điều kiện được công nhận và giao đất cho ông Nguyễn Văn L như Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 và Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên là đúng quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, điểm a khoản 5 Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ vì ông L thuộc trường hợp không đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyết định số 6246/QĐ-CT ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn L có nội dung: công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Văn L là có cơ sở và đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng”.

[3]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án hành chính sơ thẩm không chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn L kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Áp dụng: Điều 50, 100, 101 Luật đất đai năm 2013; Khoản 1 Điều 18, Khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ,

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 124/QĐ-CT ngày 24/5/2019 của Chủ tịch UBND xã A1 (nay là xã A) về việc giải quyết khiếu nại ông Nguyễn Văn L (lần đầu).

- Hủy Kết luận số 200/KL-UBND ngày 10/7/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên;

- Hủy Quyết định số 5781/QĐ-CT ngày 27/11/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Phú Yên về việc thu hồi Quyết định số 6246/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện T;

- Buộc UBND xã A và UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Nguyễn Văn L đối với diện tích 1.702m² (hiện nay đo vẽ là diện tích 2.348,7m²) tại thửa đất số 87, tờ bản đồ số 08, bản đồ địa chính năm 2007 tại Thôn X, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000264 ngày 28/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2022/HC-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến